



fāng miàn

方面

Noun · aspect

Example Sentences

zhè ge fāng miàn hěn zhòng yào
这个方面很重要。

This aspect is very important.

nǐ jué de zì jǐ zài nǎ xiē fāng miàn xū yào tí gāo
你觉得自己在哪些方面需要提高？

In which aspects do you think you need to improve?

tā zài zhè fāng miàn bìng méi yǒu tài duō jīng yàn
他在这方面并没有太多经验。

He doesn't have much experience in this aspect.

Trace each character, then write the word on your own.

方	方	方	方	方	方	方													
面	面	面	面	面	面	面	面	面	面	面	面								
面																			